

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 343/2024/DS-PT

Ngày: 05 - 9 - 2024

V/v hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế

Ông Huỳnh Văn Út

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:**
Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2024/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 238/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Kim H**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 104, đường Lý Thường Kiệt, Khóm 4, Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của Ng đơn: Ông Trần Dân Quốc, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 88/13 Lê Lợi, Khóm 2, Phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Ngô Hữu N**, sinh năm 1963 và bà **Thái Thị Thanh Ng**, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số nhà 290B, đường Lý Thường Kiệt, Khóm 5, Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đông Dương, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 41, đường Nguyễn Tất Thành, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- **Người kháng cáo:** Bà **Thái Thị Thanh Ng** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nội dung khởi kiện, yêu cầu của bà H là Nguyên đơn:**

Trước đây, bà Trần Kim H nhiều lần cho bà Thái Thị Thanh Ng vay nhiều khoản tiền khác nhau và bà Ng trả vốn, đóng lãi đầy đủ cho bà H.

Do chỗ quen biết, từng quan hệ tiền bạc nhiều năm, tin tưởng lẫn nhau nên ngày 31/5/2023, bà H cho bà Ng vay số tiền 2.173.585.000đ; lãi suất 2,5%/tháng, có biên nhận vay. Bà Ng có giao cho bà H các giấy tờ gồm: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 018343 do ông Ngô Hữu N (chồng bà Ng) đứng tên; Tờ bàn giao nhà đứng tên Trần Bích và Lưu Thị Lợi; Tờ ủy quyền của ông Ngô Kỳ Định ngày 21/4/1994; Tờ bàn giao nhà đất đề ngày 18/4/1995 cất giữ để làm tin. Việc bà Ng vay tiền ông N có biết, bà Ng đóng lãi được 73.585.000đ thì ngưng.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà Ng và ông N có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc 2.173.585.000đ và lãi suất tính từ ngày 31/5/2023 đến ngày 15/5/2024 là 414.937.376đ = (2.173.585.000đ x 1,66% x 11 tháng 15 ngày). Đối trừ số lãi bà Ng đã đóng 73.585.000đ; Tổng số tiền bà Ng và ông N phải thanh toán là 2.514.937.376 đồng (vốn 2.173.585.000đ, lãi 341.352.376đ).

*** Ý kiến của bà Ng là bị đơn:** Trước đây, bà có nhiều lần vay tiền của bà H, do tin tưởng nên không ghi chép sổ sách. Sau đó, có sự không thống nhất về số tiền đã trả nên từ tháng 5 năm 2016 giữa bà với bà H lập sổ ghi chép.

Kể từ ngày theo dõi sổ, tháng 5/2016 thì số tiền khởi điểm vay là 180.000.000đ, với lãi suất 3%. Từ đây, bà đã vay thêm nhiều lần cùng với lãi nhập vốn đến ngày 31/5/2023, đối chiếu bà còn nợ số tiền 2.173.585.000đ và bà đã viết biên nhận cho bà H và bà có đưa cho bà H các giấy tờ như bà H trình bày.

Như vậy, số tiền lãi đã đóng từ tháng 5/2016 đến 31/5/2023 là 85 tháng, lãi suất 3%/tháng thì số tiền lãi đã đóng là 2.177.740.000đ. Tính lãi suất 1.67% thì số tiền bà phải trả là 1.217.430.000đ, chênh lệch 960.310.000đ.

Ngoài ra, vào tháng 11, 12 năm 2023 và tháng 01/2024 bà có trả thêm cho bà H 73.585.000đ. Như vậy, sau khi đối trừ lãi đã đóng và tiền gốc thì số tiền bà đồng ý thanh toán cho bà H là 823.105.000đ. Yêu cầu không tính lãi từ tháng 5/2023 trở về sau vì trước khi lập sổ theo dõi (tháng 5/2016) bà đã nhiều lần đóng lãi cho bà H.

Ý kiến của ông N: Việc giao dịch vay tiền giữa bà H với vợ ông là bà Thái Thị Thanh Ng, ông không được biết. Sau khi sự việc xảy ra thì ông mới biết. Nay ông thống nhất cùng với bà Ng có trách nhiệm thanh toán nợ cho bà H theo số tiền mà bà Ng trình bày.

Từ những nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2024/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã xử quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim H.

- Buộc bà Thái Thị Thanh Ng và ông Ngô Hữu N phải thanh toán cho bà Trần Kim H tổng số tiền 2.514.937.376 đồng.

- Bà H có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 018343, thửa số 26, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại Phường 9, thành phố Cà Mau do ông Ngô Hữu N đứng tên; Tờ bản giao nhà đứng tên Trần Bích và Lưu Thị Lợi; Tờ ủy quyền của ông Ngô Kỳ Định ngày 21/4/1994 và tờ bản giao nhà đất đề ngày 18/4/1995.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/6/2024, bà Thái Thị Thanh Ng có đơn kháng cáo không đồng ý với án sơ thẩm với lý do: Biên nhận ngày 31/5/2023 số tiền 2.173.585.000 đồng là biên nhận chốt nợ gốc và lãi của quá trình vay trước (từ 2016 – 2023) với lãi suất 3%/tháng. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc bà phải trả lãi với số tiền 414.937.376 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà trả tiền nợ 2.173.585.000 đồng, sau khi đối trừ trả lãi vượt so với quy định là 985.424.800 đồng; còn lại là 1.118.160.200 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

* *Người kháng cáo*, giữ Ng yêu cầu kháng cáo;

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn* đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Ng với lý do: Biên nhận ngày 31/5/2023 là biên bản chốt nợ gốc và lãi của các khoản vay từ tháng 5 năm 2016 cho đến ngày 31/5/2023, chứ không phải là khoản nợ vay mới như Nguyên đơn trình bày. Việc đóng lãi vượt mức lãi quy định là thực tế có xảy ra, bị đơn có cung cấp sổ theo dõi, có chữ ký xác nhận của bà H. Ông Phong là Người đại diện theo uỷ quyền của bà H thừa nhận biên nhận ngày 31/5/2023 là biên nhận chốt nợ. Việc án sơ thẩm tính lãi suất buộc bị đơn thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 – Bộ luật Dân sự là không phù hợp. Vì trong biên nhận không có thoả thuận về mức lãi suất, nên tính mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Ng.

* *Đại diện Nguyên đơn*: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm, bởi: Lời trình bày của ông Phong tại phiên hoà giải ngày 27/02/2024 là không đúng nên bà H đã chấm dứt uỷ quyền cho ông Phong. Số tiền 2.173.585.000đ là số tiền vay vào ngày 31/5/2023 nên sau khi nhận tiền vay bị đơn giao các giấy tờ về nhà – đất cho Ng đơn quản lý để làm tin. Các sổ ghi chép mà bị đơn cung cấp là các khoản vay khác đã thanh toán xong không liên quan gì đến khoản vay ngày 31/5/2023. Việc Ng đơn không đến theo giấy triệu tập của Tòa án là vì Ng đơn đã có uỷ quyền cho người đại diện. Mặc dù trong biên nhận không ghi mức lãi suất nhưng giữa bà Ng và bà H có thoả thuận mức lãi nên sau đó bị đơn có trả lãi được 73.585.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Ng có cung cấp cho Tòa án sơ tay tự theo dõi nợ cũng như bảng chiết tính tiền lãi vay giữa bà Ng với bà H. Tuy nhiên, bảng chiết tính này không có xác nhận của bà H, bà H cũng không đồng ý, bà Ng không có chứng cứ chứng minh số tiền 2.173.585.000đ tại biên nhận ngày 31/5/2023 và số tiền theo bảng chiết tính là từ tháng 5/2016 đến ngày 31/5/2023 là cùng một khoản tiền.

Đối với phần lãi suất, án sơ thẩm xác định mức lãi suất bằng 1.66%/tháng là chưa phù hợp, bởi lẽ: Bà H xác định cho vay lãi suất 2,5%/tháng, bà Ng xác định vay 3%/tháng, biên nhận vay không quy định phần lãi suất. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự mức lãi suất theo quy định pháp luật bà Ng phải chịu là 10%/năm = 0,83%/tháng. Vì vậy, số tiền lãi bà Ng phải chịu từ ngày 31/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm $2.173.585.000đ \times 0,83\% \times 11$ tháng 15 ngày (làm tròn) = 207.468.000đ. Trong quá trình vay tiền bà Ng đã thanh toán cho bà H số tiền 73.585.000đ. Do đó, số tiền bà Ng phải thanh toán cho bà H $2.173.585.000đ + 207.468.000đ - 73.585.000đ = 2.307.468.000đ$.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Thái Thị Thanh Ng. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DSST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng buộc bà Thái Thị Thanh Ng và ông Ngô Hữu N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Kim H tổng số tiền gốc và lãi là 2.307.468.000đ. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Nguyên đơn xác định vào ngày 31/5/2023 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 2.173.585.000đ, lãi suất 2.5%/tháng, khi vay có viết biên nhận. Quá trình vay, bị đơn trả lãi được 73.585.000đ thì ngưng, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vốn và lãi là 2.514.937.376đ.

Bị đơn thừa nhận biên nhận ngày 31/5/2023 mà nguyên đơn cung cấp là do bị đơn viết. Tuy nhiên, số tiền trong biên nhận đó là khoản tiền vay của nhiều lần và tiền lãi cộng lại. Bắt đầu khoản vay 180.000.000đ từ tháng 5 năm 2016, lãi suất 3%/tháng, qua nhiều lần vay tiếp theo cùng với khoản tiền lãi đến ngày 31/5/2023 tổng vốn và lãi là 2.173.585.000đ, hai bên chốt nợ nên viết biên nhận ngày 31/5/2023.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình bị đơn cung cấp bản phô tô nhiều tờ giấy ghi chép và cho rằng đó là nội dung các khoản vay, tiền trả lãi cho nguyên đơn do nguyên đơn viết và ký tên trong khoản thời gian từ tháng 5/2016 đến ngày 31/5/2023.

[2] Xét thấy, tại phiên hoà giải ngày 27/02/2024, ông Hồ Vũ Phong là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn có cho bị đơn vay nhiều lần, lãi suất 3%/tháng nhưng không nhớ rõ thời gian vay, đến ngày 31/5/2023 đối chiếu bị đơn còn nợ nguyên đơn 2.173.585.000đ; Lời khai này phù hợp với lời khai bị đơn.

Tại phiên toà sơ thẩm, ông Trần Dân Quốc là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thừa nhận chữ viết, chữ ký trong các giấy phô tô bị đơn cung cấp do nguyên đơn viết; Lời trình bày này phù hợp với lời trình bày của bị đơn. Nhưng ông Quốc cho rằng, số tiền 2.173.585.000đ tại biên nhận ngày 31/5/2023 là khoản tiền gốc, vay một lần vào ngày 31/5/2023 không liên quan gì đến các giấy tờ bị đơn cung cấp.

Song, chứng cứ về sổ ghi chép thể hiện nội dung về số tiền vay, trả lãi từ năm 2016 đến ngày 01/4/2023 đối chiếu với bảng chiết tính lãi vay mà bị đơn diển giải thì có sự phù hợp với số tiền vay 2.173.585.000đ vào ngày 31/5/2023.

Như vậy, biên nhận ngày 31/5/2023 ghi số tiền 2.173.585.000đ là số tiền của khoản vay trước đó như bị đơn trình bày hay là số tiền mặt mà nguyên đơn giao cho bị đơn vay vào ngày 31/5/2023 như đơn khởi kiện của nguyên đơn thì cấp sơ thẩm chưa yêu cầu bà Trần Kim H (Nguyên đơn) cung cấp chứng cứ để có đủ cơ sở kết luận. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, cấp phúc thẩm đã triệu tập bà Trần Kim H nhiều lần đến Toà án để xác minh nhưng bà H đều vắng mặt. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện cho nguyên đơn cho rằng nguyên đơn đã uỷ quyền nên nguyên đơn vắng mặt.

Xét thấy, các chứng cứ mà bị đơn cung cấp có sự phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ để có đủ căn cứ kết luận nhưng chỉ căn cứ vào biên nhận ngày 31/5/2023 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ cơ sở vững chắc.

Mặt khác, sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án bị đơn cho rằng khoản nợ nguyên đơn là do bị đơn vay dùm cho vợ chồng bà Phan Thanh Kiều (bà Phan Thanh Kiều và ông Nguyễn Văn Tài). Bị đơn có văn bản yêu cầu Toà án đưa vợ chồng bà Kiều vào tham gia tố tụng nhưng cấp sơ thẩm không xác minh, làm rõ vợ chồng bà Kiều có liên quan đến khoản tiền bà Ng vay nợ hay không là thiếu sót. Nếu, có đủ cơ sở xác định bà Phan Thanh Kiều và ông Nguyễn Văn Tài là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

Từ những thiếu sót của cấp sơ thẩm như đã nêu trên, cấp phúc thẩm không khắc phục được nên huỷ án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[3] Do huỷ án nên không xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Ng.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2024/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Thái Thị Thanh Ng không phải chịu.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Miến